

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 391/2025/KDTM-PT

Ngày 23-12-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 295/2025/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6706/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22015/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P; trụ sở chính: Tòa nhà T, số A, T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Tầng B, T, A, T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) – chức vụ: Cán bộ Phòng Xử lý nợ; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 49701A/2025/UQ-OCB ngày 19/5/2025). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T1; địa chỉ: số I, đường N, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Hải D, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: P, xã V, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: số E, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2025). Vắng mặt.

2. Bà Tô Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: xóm D, xã V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: số E, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2025). Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: thôn H, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ liên hệ: số E, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2025). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Huy Á, sinh năm 1969; địa chỉ: khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (sau viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 27/10/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần P và Công ty T1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0197/2022/HĐTD-OCB-DN nội dung như sau: Ngân hàng đồng ý cấp cho bên được cấp tín dụng một hạn mức tín dụng tối đa là 20.000.000.000 đồng, trong đó: hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 20.000.000.000 đồng, hạn mức phát hành thư tín dụng - L/C tối đa là 20.000.000.000 đồng và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng. Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 27/10/2022. Mục đích cấp tín dụng bao gồm: hạn mức vay vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh buôn bán xe ô tô các loại, phụ tùng, và dịch vụ bảo dưỡng bảo trì; hạn mức mở L: bổ sung vốn lưu động kinh doanh buôn bán xe ô tô các loại, phụ tùng, và dịch vụ bảo dưỡng bảo trì.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho Công ty T1 theo Khế ước nhận nợ số 0197.01/2022/KUNN-OCB-DN ngày 09/11/2022 nội dung: số tiền nhận nợ là 3.710.000.000, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; ngày đến hạn trả cuối cùng là ngày 09/5/2023; lãi suất vay trong hạn 12,5%/năm lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Ngân hàng với ông Lê Huy Á đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 0197/2022/BĐ ngày 27/10/2022. Tài sản thế chấp bao gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số đồ 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số BI 407502, số vào sổ CH00686 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/6/2012, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Huy Á ngày 07/9/2020

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 112505, số vào sổ 01868/QSDĐ/1211/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/12/2006, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Huy Á ngày 07/9/2020.

Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bình Phước số công chứng 001267, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 27/10/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty N1 không thanh toán tiền vay cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ các bên ký kết nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/7/2025, tổng số tiền Công ty T1 nợ Ngân hàng là 5.323.566.256 đồng; trong đó: nợ gốc là 3.710.000.000 đồng, nợ lãi là 1.613.566.256 đồng (gồm nợ lãi trong hạn: 37.747.546 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.575.818.710 đồng).

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 08/7/2025 là 5.323.566.256 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/7/2025 đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 407502, số vào sổ CH00686 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/6/2012, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Huy Á ngày 07/9/2020.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 112505, số vào sổ 01868/QSDĐ/1211/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/12/2006, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Huy Á ngày 07/9/2020.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH T1 trình bày:

Công ty T1 về số tiền nợ gốc với Ngân hàng là 3.710.000.000 đồng. Đối với tiền lãi là 1.450.189.739 đồng thì yêu cầu Ngân hàng xem xét lại. Về phương thức thanh toán, Công ty T1 yêu cầu Ngân hàng cho công ty thời gian để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Huy Á: Do Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông Lê Huy Á tại nơi cư trú nên đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông Lê Huy Á không có văn bản ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Về số tiền nợ:

Công ty TNHH T2 Á có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền tính đến ngày 08/7/2025 là 5.323.566.256 đồng (năm tỷ ba trăm hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng); trong đó:

- Nợ gốc: 3.710.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm mười triệu đồng);
- Nợ lãi: 1.613.566.256 đồng (một tỷ sáu trăm mười ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng), gồm: lãi trong hạn là 37.747.546 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi sáu đồng) và nợ lãi quá hạn là 1.575.818.710 đồng (một tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm mười tám nghìn bảy trăm mười đồng).

Kể từ ngày 09/7/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P, Công ty TNHH T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong ký kết Hợp đồng tín dụng số 0197/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 27/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 0197.01/2022/KUNN-OCB-DN ngày 09/11/2022

1.2. Trường hợp Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 112505, số vào sổ 01868/QSDĐ/1211/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/12/2006, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Huy Á ngày 07/9/2020.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 407502, số vào sổ CH00686 do Ủy ban nhân dân huyện

B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/6/2012, cập nhật chuyển nhượng cho ông Lê Huy Á ngày 07/9/2020.

Trên thửa đất số 32, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước có 01 căn nhà tạm kết cấu vách gỗ, mái tole, nền xi măng, liền kề phía sau nhà có 01 chuồng gia súc kết cấu mái tole, vách tole, nền xi măng; ngoài ra, trên đất còn có 01 chuồng gia súc kết cấu cột gỗ, mái tole, nền xi măng. Trên thửa đất 45, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước có 01 chuồng gia cầm kết cấu cột gỗ, mái tole. Ngoài ra, trên đất còn có các cây trồng gồm 02 cây điều, 01 cây me, 01 cây sung, 500 cây cao su.

Theo Hợp đồng thế chấp số 0197/2022/BĐ ngày 27/10/2022

1.3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì Công ty TNHH T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP P. Nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP P còn thừa thì được trả lại cho ông Lê Huy Á.

2. Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP P phải chịu 3.476.782 đồng (ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Ngày 18/7/2025, bị đơn Công ty T1 có đơn kháng cáo Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Công ty T1 không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc ký kết Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thông báo việc tăng mức lãi suất từ 12,5% lên 13% cho bị đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng mới khởi kiện. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với trình bày của nguyên đơn về thời gian trả tiền lãi và thời gian chậm trả, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ thể hiện bị đơn chậm thanh toán ngày nào. Bị đơn xác định chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất buộc bị đơn phải trả vì bị đơn không biết gì về việc tăng lãi suất, việc tính lãi của nguyên đơn là không có căn cứ, không minh bạch, Tòa án chưa xác minh rõ. Do đó, bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để bị đơn được minh bạch số tiền tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Huy Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phân tích quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật, nhận thấy bị đơn và các đương sự khác không kháng cáo phần bản án sơ thẩm tuyên về nợ gốc, về việc phát mãi tài sản mà bị đơn chỉ kháng cáo về phần lãi suất buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, số tiền nợ gốc 3.710.000.000 đồng mà đến hạn thanh toán ngày 09/5/2023 cho đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Có thể thấy, đến hạn thanh toán trả nợ vay, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và từ ngày 23/4/2023, bị đơn không trả nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn nên chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Lãi suất được tính hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên kháng cáo không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Huy Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, cho nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Lê Huy Á có Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 15/5/2025 yêu cầu tuyên hủy Hợp đồng thế chấp số công chứng 001267, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Á và Ngân hàng do tại thời điểm ký kết, ông Á không đọc kỹ nội dung hợp đồng và thiếu hiểu biết pháp luật nên ký hợp đồng thế chấp bằng tài sản của ông Á, nhưng nguồn tiền vay ông không được nhận trên thực tế là trái với mong muốn của ông. Tuy nhiên, Đơn yêu cầu độc lập của ông Lê Huy Á không đủ điều kiện thụ lý

theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do ông Á gửi đơn yêu cầu độc lập sau thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14/5/2025, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của ông Á là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định bị đơn chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn, các phần khác của bản án không kháng cáo. Do đó, Tòa án chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo của bị đơn theo Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật, cụ thể phần có hiệu lực pháp luật: Nợ gốc 3.710.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm mười triệu đồng); trường hợp Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2] Về kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0197/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 27/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 0197.01/2022/KUNN-OCB-DN ngày 09/11/2022 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần P với Công ty TNHH T1 thì việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội và Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 3.710.000.000 cho bị đơn nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và bị đơn có trách nhiệm phải thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi đã thỏa thuận.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn thừa nhận từ ngày đến hạn trả nợ gốc (ngày 09/5/2023) đến nay, bị đơn chưa thanh toán nợ gốc 3.710.000.000 cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0197/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 27/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 0197.01/2022/KUNN-OCB-DN ngày 09/11/2022. Đồng thời, đối với nợ lãi thì theo thỏa thuận lãi trong hạn là 12,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, nợ lãi được trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng, kỳ đầu tiên ngày 25/11/2022. Căn cứ Bảng tính lãi khách hàng Công ty T1 do Ngân hàng cung cấp thì bắt đầu kỳ trả lãi ngày 25/4/2023 thì bị đơn trả lãi trong hạn không đầy đủ, thiếu số tiền 17.926.998 đồng và không trả lãi trong hạn từ ngày 23/4/2023 đến kỳ trả nợ gốc là 19.820.548 đồng. Điều này thể hiện rõ bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Đồng thời, trong kỳ trả lãi tháng 02 và tháng 3/2023, Ngân hàng đã điều chỉnh mức lãi suất từ 12,5% lên 13% và bị đơn đã trả một phần tiền lãi theo mức lãi suất 13% nhưng không có ý kiến gì, điều này chứng minh bị đơn biết rõ việc áp dụng mức lãi suất 13%, phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.3] Bị đơn kháng cáo không đồng ý với cách tính lãi của nguyên đơn về mức lãi, thời gian trả tiền lãi và thời gian chậm trả, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn. Trong khi đó, theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số

0197/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 27/10/2022 và Khế ước nhận nợ số 0197.01/2022/KUNN-OCB-DN ngày 09/11/2022 thì thời hạn trả nợ gốc là ngày 09/5/2023 và tiền lãi trả hàng tháng nhưng nguyên đơn chứng minh được từ ngày 23/4/2023, bị đơn không trả lãi cho nguyên đơn và đến hạn thanh toán nợ gốc vẫn không thanh toán. Do đó, tiền nợ được chuyển sang nợ quá hạn theo quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Tòa án xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày 08/7/2025 là 5.323.566.256 đồng, trong đó: nợ gốc là 3.710.000.000 đồng, nợ lãi là 1.613.566.256 đồng (gồm: nợ lãi trong hạn là 37.747.546 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.575.818.710 đồng) và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và phí phát sinh từ ngày 09/7/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là các Điều 100, 102, 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; các khoản 2, 3, 4 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty T1 là không có căn cứ để chấp nhận nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty T1.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty T1 phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0008939 ngày 13/8/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc